

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-ST

Ngày: 28 - 8 - 2018

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản
phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Cao Trọng Mạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên
tòa:* Bà Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 129/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1961 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Số 196 khu nội ô thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 37 V, phường V, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C:

- Chị Tổng Thị A, sinh năm 1986 (*có mặt*);

Địa chỉ: Số 352/1 đường K, phường Q, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo giấy ủy quyền ngày 02/5/2018.

- Chị Trần Thư Q, sinh năm 1980 (*có mặt*);

Địa chỉ: Căn P8-14 đường Đ, khu phố 5, phường H, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo giấy ủy quyền ngày 02/5/2018.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Tấn L, là Luật sư của Văn phòng luật sư Dương Tấn L, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

** Bị đơn:*

- Bà Lâm Ngọc Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 229 đường Đ, khu phố 3, phường B, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2017 của bà Lê Thị Kim C, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà C là chị Tống Thị A và chị Trần Thu Q thống nhất trình bày:*

Bà C và vợ chồng bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T có mua bán xăng dầu với nhau. Sau nhiều lần mua bán vợ chồng bà Đ, ông T nợ bà C số tiền mua xăng dầu là 800.846.960 đồng.

Vào ngày 22/01/2009 bà C và bà Đ gặp nhau để quyết toán nợ mua bán xăng dầu giữa bà C và vợ chồng bà Đ, ông T. Bà Đ đã làm biên nhận nợ ngày 22/01/2009, em Đ có nhận nợ dầu của chị C với số tiền là 800.846.960 đồng. Nay Đ gửi trước cho chị C số tiền là 400.000.000 đồng, Đ nợ lại chị C với số tiền 400.846.960 đồng.

Tính từ ngày làm biên nhận nợ đến ngày 26/8/2010 vợ chồng bà Đ, ông T đã trả bà C 04 lần: vào ngày 30/6/2009 trả 50.000.000 đồng; vào ngày 13/3/2010 trả 10.000.000 đồng; vào ngày 24/3/2010 trả 10.000.000 đồng; vào ngày 26/8/2010 trả 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng bà Đ, ông T trả 04 lần là 100.000.000 đồng, còn nợ lại bà C số tiền 300.846.960 đồng. Bà C đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng bà Đ, ông T không trả nợ cho bà C mà hứa hẹn hết lần này đến lần khác.

Bà C yêu cầu Tòa án buộc bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả số tiền 300.846.960 đồng.

Tại phiên tòa, chị A và chị Thu Q thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền là 300.846.960 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 01/01/2016 bị đơn bà Lâm Ngọc Đ trình bày: Vừa qua bà có nhận Thông báo thụ lý vụ án số 301/TLST-DS ngày 22/12/2015 của*

Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá về việc bà Lê Thị Kim C khởi kiện bà yêu cầu bà và ông T trả cho bà C số tiền mua bán dầu là 300.846.960 đồng.

Nay bà xin trình bày cho quý Tòa biết là việc mua bán xăng dầu giữa bà và bà C đã hoàn tất năm 2009. Từ năm 2010 đến nay bà không kinh doanh cũng như không còn nợ bất cứ ai.

Đối với yêu cầu của bà C là không có cơ sở vì thời hiệu khởi kiện đã hết, do đó bà C không có quyền gì để khởi kiện bà.

Tại phiên tòa, bà Đ vắng mặt.

** Tại bản tự khai ngày 22/12/2015 bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán dầu mà bà Lê Thị Kim C khởi kiện ông và bà Đ ông không biết về số tiền này vì mua bán bà Lê Thị Kim C với bà Lâm Ngọc Đ mua bán với nhau.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt.

** Quan điểm của Luật sư Dương Tấn L - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C:* Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 300.846.960 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Theo quy định pháp luật về hợp đồng kinh tế thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Nhưng bà C khởi kiện bà Đ, ông T về việc đòi lại tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán được quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 thì yêu cầu này của bà C là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận. Giao dịch mua bán giữa bà C và bà Đ là có thật và số tiền giao dịch rất lớn. Hợp đồng mua bán giữa bà C và bà Đ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Đ và ông T nên việc bà C yêu cầu Tòa án buộc bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 300.846.960 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Từ những nhận định trên, yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C đối với bị đơn bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã vi phạm quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 256, Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị Quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc: Bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Kim C số tiền 300.846.960 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là bà Lâm Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ mua bán là 300.846.960 đồng. Theo Thông báo thụ lý vụ án số 129/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thống nhất xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại điểm b khoản 3, Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về áp dụng pháp luật: Bà Lê Thị Kim C và bà Lâm Ngọc Đ thực hiện hợp đồng mua bán và thực hiện việc trả nợ lần cuối cùng vào ngày 26/8/2010, như vậy việc mua bán giữa hai bên được thực hiện trước ngày

01/01/2017. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các Điều luật của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời trình bày của nguyên đơn; bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Giữa bà Lê Thị Kim C và bà Lâm Ngọc Đ đã phát sinh hợp đồng mua bán hàng hóa thể hiện bằng biên nhận ngày 22/01/2009 có chữ ký tên và viết tên Lâm Ngọc Đ ở gốc cuối biên nhận, nội dung biên nhận xác định: “*Em Đ có nhận dầu của chị C với số tiền là 800.846.960 đồng. Nay Đ gửi trước cho C số tiền là 400.000.000 đồng. Đ nợ lại chị C với số tiền 400.846.960 đồng*” (BL 9a) và biên nhận ngày 22/01/2009 có chữ ký tên và viết tên Lâm Ngọc Đ ở gốc cuối biên nhận, nội dung biên nhận xác định: “*Về khoản tiền dầu (79.528l x 10.070đ) = 800.846.960 đồng, ngày nhận 22/01/2009 giá tiền 800.846.960 đ, đưa trước 400.000.000 đ, còn lại 400.846.960 đ*” (BL 08a).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà C là chị A và chị Thư Q thống nhất xác định hiện nay bị đơn bà Đ, ông T còn nợ bà C số tiền mua bán dầu là 300.846.960 đồng. Nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bằng việc cung cấp cho Tòa án bản gốc biên nhận ngày 22/01/2009 (BL 8a, 9a).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đ xác định nợ mua bán dầu giữa bà và bà C đã hoàn tất năm 2009. Từ năm 2010 đến nay bà không kinh doanh cũng như không còn nợ bất cứ ai (BL 14).

Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho phần trình bày nêu trên là có căn cứ và hợp pháp.

Phần trình bày nêu trên của bà Đ không được nguyên đơn bà C và đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị A, chị Thư Q thừa nhận. Nên phần trình bày trên không thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối ý kiến của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”; tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày của mình là có căn cứ.

Vì vậy, ngày 08/5/2018 Tòa án đã ban hành Thông báo số 141/2018/TB-TA và đến ngày 11/6/2018 Tòa án đã ban hành Thông báo số 182/2018/TB-TA nội dung 02 thông báo nêu trên là yêu cầu bà Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Đ đã trả hết nợ mua bán xăng dầu cho bà C và hiện nay bà không còn nợ bà C số tiền 300.846.960 đồng (BL 72, 93), nhưng bà Đ vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Đ xác định đối với yêu cầu của bà C là không có cơ sở vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “đối với tranh chấp về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện” (BL 43). Do đó, việc bà C khởi kiện yêu cầu bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua bán dầu là 300.846.960 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T xác định ông không biết về số tiền này vì mua bán bà Lê Thị Kim C với bà Lâm Ngọc Đ mua bán với nhau (BL 13). Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*”, số nợ mua bán giữa bà C và bà Đ đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa bà Đ với ông T, nên việc bà C yêu cầu Tòa án buộc bà Đ, ông T có trách nhiệm liên đới trả số nợ mà bà Đ còn nợ bà C là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào biên nhận biên nhận ngày 22/01/2009 (BL 8a, 9a) hai bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng mua bán, bà Đ đã nhận dầu từ bà C và xác nhận nợ bà C số tiền 400.846.960 đồng (BL 8a, 9a) và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên áp dụng các Điều 256, 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về quyền đòi lại tài sản, hợp đồng mua bán, nghĩa vụ trả tiền; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà C số tiền 300.846.960 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên

đơn bà Lê Thị Kim C số tiền 300.846.960 đồng (*Ba trăm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 300.846.960 đồng là: $300.846.960 \text{ đồng} \times 5\% = 15.042.348 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà C số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 7.500.000 đồng theo lai thu số 0003285 ngày 23/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 256, Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Kim C số tiền 300.846.960 đồng (*Ba trăm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 15.042.348 đồng (*Mười lăm triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003285 ngày 23/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/8/2018). Bị đơn bà Lâm Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN